

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
Bản án số: 22/2022/HS-ST
Ngày 27 - 01 - 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trịnh Hồng Hải**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Kim Liên**.

Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí.

2. Bà **Lê Thị Khanh**.

Nghề nghiệp: Nguyên Hiệu trưởng Trường trung học cơ sở Trung Mỹ Tây, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Bá Hùng Tâm** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà **Ngô Thị Hoài Giang** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 và 27 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 131/2021/TLST-HS ngày 06 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 204/2021/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2021 và các quyết định hoãn phiên tòa đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **T.V.H**; sinh ngày 17 tháng 6 năm 2005 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: 3/56 ấp Đ, xã T.X, huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: 105/5 Ấp 6, xã X.T.S, huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông T.V.C và bà T.T.P.N; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 29/4/2021, đến ngày 09/7/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **N.T.D**; sinh ngày 28 tháng 5 năm 2006 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: 17/2 Ấp 2, xã X.T.S, huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông N.V.T và bà N.T.T.C; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ,

tạm giam ngày 18/4/2021, đến ngày 09/7/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **N.T.P**; sinh ngày 11 tháng 11 năm 2005 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: 17/5B Ấp 2, xã X.T.S, huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông N.S.T và bà N.T.T.H; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 18/4/2021, ngày 09/7/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, đến ngày 27/10/2021 bị bắt tạm giữ, tạm giam trong vụ án khác (hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện H.M). Bị cáo có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Họ và tên: **T.N.A.K**; sinh ngày 10 tháng 11 năm 2004 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: 21/4 Ấp 2, xã X.T.S, huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông T.P.N và bà N.T.P; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 29/4/2021, đến ngày 09/7/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: **N.H.T.Kh**; sinh ngày 06 tháng 01 năm 2005 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: 13/4 Ấp 2, xã X.T.S, huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông N.V.T và bà H.T.K.P; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo được tại ngoại điều tra. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: **T.S.H**; sinh ngày 18 tháng 3 năm 2005 tại Thành phố Cần Thơ; nơi đăng ký thường trú: 21/1 Ấp 2, xã X.T.S, huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông N.S.H và bà T.T.T.L (chết); bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo được tại ngoại điều tra. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng:

* *Người đại diện hợp pháp của bị cáo T.V.H:* Ông **T.V.C**, sinh năm 1981 - là cha ruột của bị cáo. (có mặt)

Địa chỉ: 3/56 ấp Đ, xã T.X, huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh.

* *Người đại diện hợp pháp của bị cáo N.T.D:*

Bà **N.T.T.C**, sinh năm 1972 - là mẹ ruột của bị cáo. (có mặt)

Địa chỉ: 17/2 Ấp 2, xã X.T.S, huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh.

* *Người đại diện hợp pháp của bị cáo N.T.P:*

- Ông **N.S.T** sinh năm 1975 - là cha ruột của bị cáo.

Địa chỉ: 17/5B Ấp 2, xã X.T.S, huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

** Người đại diện hợp pháp của bị cáo T.N.A.K:*

Bà **N.T.P**, sinh năm 1978 - là mẹ ruột của bị cáo.

Địa chỉ: 21/4 Ấp 2, xã X.T.S, huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

** Người đại diện hợp pháp của bị cáo N.H.T.Kh:*

- Ông **N.V.T** sinh năm 1978 - là cha ruột của bị cáo.

Địa chỉ: 13/4 Ấp 2, xã X.T.S, huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

** Người đại diện hợp pháp của bị cáo T.S.H:*

Ông **N.S.H**, sinh năm 1980 - là cha ruột của bị cáo.

Địa chỉ: 21/1 Ấp 2, xã X.T.S, huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

** Người bào chữa cho bị cáo T.V.H:* Ông **H.K.T** - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

** Người bào chữa cho các bị cáo N.T.D, T.N.A.K, N.H.T.Kh và T.S.H:* Ông **H.T.D** và ông **N.T.G** - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

** Người bào chữa cho bị cáo N.T.P:* Ông **Đ.T.N** - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

** Bị hại:*

- Bà **P.T.B**, sinh năm 1982. (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: 235/22A KP 9, phường T.C.H, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà **L.N.H**, sinh năm 2003. (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: 4/10B Ấp 4, xã X.T.S, huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà **N.T.M.L**, sinh năm 1997. (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: 31/3 Ấp 4, xã X.T.S, huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh*
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông **N.S.T**, sinh năm 1975. (có mặt)

Địa chỉ: 17/5B Ấp 2, xã X.T.S, huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh

- Ông **T.P.N**, sinh năm 1973. (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: 21/4 Ấp 2, xã X.T.S, huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh

- Ông **N.H.D.K**, sinh năm 1999. (có mặt)

Địa chỉ: 13/4 Ấp 2, xã X.T.S, huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài, ham chơi game, coi phim trên mạng xã hội và không có sự quản lý giáo dục của gia đình nên T.V.Hi rủ T.N.A.K đi cướp giật tài sản. Các bị cáo còn lại là bạn chơi game chung gồm N.H.T.Kh, N.T.D, N.T.P, T.S.H cùng Hi và K hẹn nhau vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 18/04/2021 ở một quán nước ngã tư đường S.H giao với đường L.T.H để chơi đi chơi game nhưng sau đó cùng thống nhất P điều khiển xe gắn máy hiệu Yamaha Exciter, biển số: 50Y1 - 082.65, màu sơn đen chở D, K điều khiển xe gắn máy hiệu Linda LiFan kiểu dáng Wave, biển số: 85R7 - 7881, màu sơn xanh chở Hi, H điều khiển xe gắn máy hiệu Honda Vario, biển số: 50Y1 - 629.98 chở Kh để tìm người sơ hở tài sản để thực hiện hành vi cướp giật. Trong ngày 18/4/2021, cả nhóm đã thực hiện 03 vụ cướp giật tài sản, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 14 giờ 30 phút, P chở D phát hiện bà P.T.B đang điều khiển xe gắn máy hiệu Honda Lead lưu thông phía trước cùng chiều trên đường P.V.H hướng về ngã ba G, túi quần bên trái lộ ra ngoài 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A51, màu trắng. D dùng tay ra hiệu cho Kh chở Hi H chở Kh chuẩn bị cản trở nếu có người truy đuổi theo. Khi đến trước nhà số 135/6B P.V.H, Ấp 5, xã X.T.T, huyện Hóc Môn, P điều khiển xe áp sát bên trái xe của bà B để D ngồi phía sau dùng tay giật điện thoại di động rồi tăng ga bỏ chạy. K chở Hi, H chở Kh thấy bà B không tri hô đuổi theo nên tiếp tục chạy theo xe của P.

Vụ thứ hai: Sau khi thực hiện xong vụ thứ nhất, cả nhóm tiếp tục điều khiển xe lưu thông trên đường D.C.K tiếp tục tìm người đi đường có tài sản để cướp giật thì xe của H va quệt với xe của người đi đường bị hư hỏng nên H và Kh quay trở về, không tiếp tục tham gia cướp giật. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, khi đến khu vực đồng ruộng thuộc Tổ 15, Ấp 4, xã X.T.S, huyện H.M, P chở D phát hiện bà L.N.H đang điều khiển xe gắn máy hiệu Honda Vision, màu trắng lưu thông phía trước cùng chiều, túi quần bên trái lộ ra ngoài 01 điện thoại di động hiệu Oppo A5 2020, màu trắng, D dùng tay ra hiệu để K chở Hi chuẩn bị cản trở nếu có người truy đuổi theo. P điều khiển xe áp sát bên trái xe của bà H để D dùng tay giật điện thoại di động rồi tăng ga bỏ chạy làm xe của bà Hu ngã xuống. K chở Hi thấy bà H bị ngã, không có người đi đường truy đuổi nên tiếp tục chạy theo xe của P.

Vụ thứ ba: Khoảng 15 giờ 40 phút cùng ngày, K chở Hi chạy phía trước còn P chở D chạy phía sau thì P chở D phát hiện bà N.T.M.L đang điều khiển xe gắn máy hiệu Yamaha Luvias lưu thông phía trước cùng chiều, túi quần bên trái lộ ra ngoài 01 điện thoại di động hiệu iPhone XS Max, màu vàng. Khi đến trước nhà địa chỉ số 21C3 D.C.K, Ấp 4, xã X.T.S, huyện H.M, P điều khiển xe áp sát

bên trái xe của bà L để D dùng tay cướp giật điện thoại di động rồi tăng ga bỏ chạy. Lúc này, K chờ Hi chạy phía trước không biết việc P chờ D vừa cướp giật điện thoại của bà L nên không cản trở người truy đuổi cho P chờ D tẩu thoát. Bà L điều khiển xe truy đuổi theo đến giao lộ D.C.K - T.T.N thì tông thẳng vào xe của P làm cả ba ngã xuống đường. Bà L tri hô cướp và cùng người dân bắt giữ P và D giao cho Công an xã xã X.T.S, huyện H.M xử lý.

Đến ngày 26/4/2021, K, Hi, Kh và H bị Cơ quan điều tra Công an huyện H.M mời về làm việc đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội cùng với P và D.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 77/KL-HĐĐGTS ngày 13 tháng 5 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện H.M kết luận:

- 01 điện thoại di động iPhone XS Max, màu vàng (gold), kiểu máy MT5M2LL/A, dung lượng bộ nhớ 64GB trị giá 10.000.000 đồng;

- 01 điện thoại di động Oppo A5 2020, màu trắng, dung lượng bộ nhớ 64GB trị giá 1.500.000 đồng;

- 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A51, màu trắng, dung lượng bộ nhớ 128GB trị giá 3.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền: 14.500.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số: 125/VKS-HS ngày 04 tháng 8 năm 2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo T.V.Hi, N.T.D, N.T.P, T.N.A.K, N.H.T.Kh và T.S.H ra trước Tòa án nhân dân huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh để xét xử về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H.M rút một phần quyết định truy tố đối với các bị cáo theo tình tiết định khung phạm tội có tổ chức, quy định tại điểm a khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét:

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, o khoản 1 Điều 52; Điều 91, khoản 2 Điều 101, Điều 65 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Trần Văn Hiền từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 năm đến 04 năm.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 91, khoản 2 Điều 101, Điều 65 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh Duy từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 năm đến 04 năm.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 91, khoản 2 Điều 101 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Trí Phát từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 91, khoản 1 Điều 101, Điều 65 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Trương Nguyễn Anh Khoa từ 02 năm đến 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm đến 05 năm.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91, khoản 1 Điều 101, Điều 65 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng Tuấn Khải từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 năm đến 04 năm.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91, khoản 1 Điều 101, Điều 65 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Trần Sơn Hậu từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 năm đến 04 năm.

- Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- 01 xe máy Yamaha Exciter biển số 50Y1-082.65 có số khung RLCUG0610HY472009, số máy G3D4E-493517. Đề nghị trả lại cho ông N.S.T quản lý theo quy định;

- 01 xe máy kiểu dáng Wave màu sơn xanh có số khung PCHO2UT-009775, số máy 52FMH3-20274559 có gắn biển số 85R7-7881. Đề nghị giao Chi cục thi hành án dân sự đăng báo tìm chủ sở hữu, quá thời hạn quy định thì tịch thu sung quỹ nhà nước.

- 01 xe máy Honda Vario màu sơn trắng có số khung MH1KF4122LK012782, số máy KF41E-2019592 gắn biển số 50Y1-629.98. Đề nghị trả lại cho N.H.D.K tiếp tục quản lý.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone X màu đen đã qua sử dụng (thu giữ của P); 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 màu đen đã qua sử dụng (thu giữ của D); 01 điện thoại di động hiệu VOS màu đen đã qua sử dụng (thu giữ của K); 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy M20 màu xanh đã qua sử dụng (thu giữ của Hi); 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng đã qua sử dụng (thu giữ của H); 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng đã qua sử dụng (thu giữ của Kh). Các bị cáo khai nhận không sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội. Đề nghị trả lại cho các bị cáo.

c) Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận lại tài sản nên không giải quyết.

Tại phiên tòa, các bị cáo T.V.Hi, N.T.D, T.N.A.K, N.H.T.Kh và T.S.H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không trình bày bổ sung và không có ý kiến tranh luận với nội dung truy tố của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H.M.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo T.V.Hi là ông T.V.C không có ý kiến tranh luận với nội dung truy tố của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H.M. Người đại diện hợp pháp của bị cáo N.T.D là bà N.T.T.C không có ý kiến tranh luận với nội dung truy tố của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H.M.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo N.T.P là ông N.S.T không có ý kiến tranh luận với nội dung truy tố của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H.M. Với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, ông N.S.T xác định xe gắn máy Yamaha Exciter biển số 50Y1-082.65 có số khung RLCUG0610HY472009, số máy G3D4E-493517 là của ông, ông không biết con ông sử dụng vào việc phạm tội. Do đó xin được nhận lại xe máy nêu trên.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo T.N.A.K là bà N.T.P không có ý kiến tranh luận với nội dung truy tố của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H.M. Với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, ông T.P.N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai xác định xe máy kiểu dáng Wave màu sơn xanh có số khung PCHO2UT-009775, số máy 52FMH3-20274559 có gắn biển số 85R7-7881 là của ông mua nhưng không có giấy tờ và chưa sang tên, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định, nếu đủ điều kiện thì cho ông xin nhận lại xe.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo N.H.T.Kh là ông N.V.T không có ý kiến tranh luận với nội dung truy tố của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H.M.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo T.S.H là ông N.S.H không có ý kiến tranh luận với nội dung truy tố của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông N.H.D.K xác định xe máy Honda Vario màu sơn trắng có số khung MH1KF4122LK012782, số máy KF41E-2019592 gắn biển số 50Y1-629.98 là của ông do đó xin được nhận lại xe máy này.

Luật sư H.K.T bào chữa cho bị cáo T.V.H xác định nội dung Cáo trạng truy tố bị cáo phạm tội “Cướp giật tài sản” là phù hợp. Tuy nhiên, cần xem xét về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như sau: bị cáo Hi có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi. Ngoài ra, khi phạm tội, bị cáo thuộc trường hợp người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi, nên cần áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội đối với bị cáo. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54, Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xem xét cho bị cáo Hi được hưởng mức hình phạt thấp nhất theo yêu cầu của Đại diện Viện kiểm sát.

Trợ giúp viên H.T.Đ và N.T.G bào chữa cho các bị cáo N.T.D, T.N.A.K, N.H..T.Kh và T.S.H xác định nội dung Cáo trạng truy tố các bị cáo phạm tội “Cướp giật tài sản” là phù hợp. Tuy nhiên, cần xem xét về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo như sau: các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo có bồi thường thiệt hại cho bị hại, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi. Bị cáo Khoa có bà là người có công với cách mạng. Ngoài ra, khi phạm tội, các bị cáo thuộc trường hợp người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi, nên cần áp dụng nguyên tắc xử

lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội đối với bị cáo. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91, khoản 1 Điều 101, Điều 65 xem xét cho các bị cáo D, K, Kh và H được hưởng mức hình phạt thấp nhất và không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội, cho các bị cáo được hưởng án treo.

Luật sư Đ.T.N bào chữa cho bị cáo N.T.P xác định nội dung Cáo trạng truy tố bị cáo phạm tội “Cướp giật tài sản” là phù hợp. Tuy nhiên, cần xem xét về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như sau: bị cáo P có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi. Ngoài ra, khi phạm tội, bị cáo thuộc trường hợp người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi, nên cần áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội đối với bị cáo. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54, Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xem xét cho bị cáo P được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất so với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hóc Môn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, qua phần hỏi và tranh tụng công khai, các bị cáo đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn đã truy tố. Bị cáo Phát có đơn xin xét xử vắng mặt tuy nhiên thể hiện lời khai nhận tội phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của các bị hại, những người tham gia tố tụng khác và các chứng cứ khác đã được thu thập có tại hồ sơ vụ án. Từ đó, có đủ cơ sở chứng minh do còn nhỏ tuổi, nghiện chơi game và coi phim cướp giật trên mạng internet, thiếu sự giáo dục dạy dỗ của cha mẹ. Các bị cáo T.V.Hi, N.T.D, N.T.P, T.N.A.K, N.H.T.Kh và T.S.H đã cùng thống nhất dùng xe máy đi cướp giật điện thoại di động của các bị hại vào ngày 18/4/2021 tại địa bàn các xã X.T.T, xã X.T.S, huyện H.M, cụ thể:

N.T.D, N.T.P đã thực hiện việc cướp giật 03 điện thoại di động của các bị hại như sau: điện thoại hiệu Samsung Galaxy A51 màu trắng của bị hại P.T.B; điện thoại di động hiệu OPPO A5 2020 màu trắng của bị hại L.N.H; điện thoại di động hiệu Iphone XS Max màu vàng của bị hại N.T.M.L.

T.V.Hi, T.N.A.K đã thực hiện việc cướp giật 02 điện thoại di động của các bị hại như sau: hiệu Samsung Galaxy A51 màu trắng của bị hại P.T.B; điện thoại di động hiệu OPPO A5 2020 màu trắng của bị hại L.N.H.

N.H.T.K và T.S.H đã thực hiện việc 01 vụ cướp giật chung với các bị cáo còn lại điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A51 màu trắng của bị hại P.T.B.

[3] Các bị cáo tuy còn nhỏ tuổi tuy nhiên khi thực hiện hành vi phạm tội thuộc vào trường hợp là người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, đối với các bị cáo đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng.

Các bị cáo mặc dù có sự rủ rờ, thống nhất với nhau trước khi thực hiện hành vi phạm tội nhưng không mang tính chất câu kết chặt chẽ, không có người chỉ huy, cầm đầu để thực hiện hành vi phạm tội, thuộc dạng đồng phạm giản đơn. Nên việc Viện kiểm sát nhân dân huyện H.M quyết định rút một phần quyết định truy tố đối với các bị cáo theo tình tiết định khung phạm tội có tổ chức, quy định tại điểm a khoản 2 Điều 171 BLHS là phù hợp

Hành vi sử dụng phương tiện xe gắn máy thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp “Dùng thủ đoạn nguy hiểm” là tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Do đó, Bản cáo trạng số: 125/VKS-HS ngày 04 tháng 8 năm 2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo T.V.Hi, N.T.D, N.T.P, T.N.A.K, N.H.T.Kh và T.S.H về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ và đúng pháp luật.

Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định:

“1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

...

d) Dùng thủ đoạn nguy hiểm;”

[4] Áp dụng điều luật được viện dẫn nêu trên cho thấy, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp rất nghiêm trọng với lỗi cố ý, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật

bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Trong vụ án này, bị cáo Hi là người khởi xướng việc phạm tội, bị cáo D và bị cáo P là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo để có tác dụng răn đe, cải tạo, giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cần xem xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo như sau:

5.1. Bị cáo T.V.Hi thực hiện hành vi phạm tội 02 lần thuộc trường hợp “Phạm tội 02 lần trở lên”. Bị cáo Hi có hành vi rủ rê, xúi giục bị cáo T.N.A. K là người dưới 18 tuổi phạm tội thuộc trường hợp “Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội”. Đây là các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g, o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo Hi có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, thuộc trường hợp người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội. Vì vậy, cần áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội đối với bị cáo; Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tuy nhiên đối chiếu với các quy định tại khoản 3 điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng Điều 65 về án treo: “...Trường hợp có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thì số tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự phải nhiều hơn số tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự từ 02 tình tiết trở lên...”, thì bị cáo chưa đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định. Do đó không chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện H.M xử phạt bị cáo T.V.Hi từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 năm đến 04 năm.

5.2. Bị cáo N.T.D thực hiện hành vi phạm tội 03 lần thuộc trường hợp “Phạm tội 02 lần trở lên”. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tuy nhiên, bị cáo D có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng thuộc trường hợp người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội. Vì vậy, cần áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội đối với bị cáo; tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại và bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó không cần phải thiết phải buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù do bị cáo có khả năng tự cải tạo, được giáo dục sẽ không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

5.3. Bị cáo N.T.P thực hiện hành vi phạm tội 03 lần thuộc trường hợp “Phạm tội 02 lần trở lên”. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo P chưa có tiền án, tiền sự; tuy nhiên bị cáo hiện đang phạm một tội mới, tại Cơ quan điều tra và theo đơn xin xét xử vắng mặt, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, thuộc trường hợp người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội. Vì vậy, cần áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội đối với bị cáo; gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại và bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

5.4. Bị cáo T.N.A.K thực hiện hành vi phạm tội 02 lần thuộc trường hợp “Phạm tội 02 lần trở lên”. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo K có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng thuộc trường hợp người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội. Vì vậy, cần áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội đối với bị cáo; tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại và bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo có bà nội được tặng thưởng huân chương có công với cách mạng. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó không cần phải thiết phải buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù do bị cáo có khả năng tự cải tạo, được giáo dục sẽ không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

5.5. Bị cáo N.H.T.Kh không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng thuộc trường hợp người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội. Vì vậy, cần áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội đối với bị cáo; tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại và bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó không cần phải thiết phải buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù do bị cáo có khả năng tự cải tạo, được giáo dục sẽ không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

5.6. Bị cáo T.S.H không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng thuộc trường hợp người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội. Vì vậy, cần áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội đối với bị cáo; tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện bồi

thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại và bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó không cần phải thiết phải buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù do bị cáo có khả năng tự cải tạo, được giáo dục sẽ không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội phải bảo đảm lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi và chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A51, màu trắng, số IMEI: 352353111337694, Cơ quan điều tra Công an huyện H.M đã trả lại cho bị hại bà P.T.B là phù hợp, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Oppo A5 2020, màu trắng, số IMEI: 865413048693716, Cơ quan điều tra Công an huyện Hóc Môn đã trả lại cho bị hại bà L.N.H là phù hợp, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu iPhone XS Max, màu vàng, số máy: MT5M2LL/A, số seri: F2MXL23UKPHF, số IMEI: 357279096540744, Cơ quan điều tra Công an huyện Hóc Môn đã trả lại cho bị hại bà N.T.M.L là phù hợp, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với 01 xe gắn máy hiệu Yamaha Exciter, biển số: 50Y1 - 082.65, màu sơn đen, số khung: RLCUG0610HY472009, số máy: G3D4E - 493517, kết quả điều tra xác định số khung, số máy nguyên thủy, không thay đổi do ông H.Q.V đứng tên chủ sở hữu. Qua làm việc, ông V khai đã bán xe gắn máy trên cho ông N.S.T là cha ruột của bị cáo N.T.P, có làm hợp đồng công chứng mua bán. Ông T khai đã cho bị cáo Phát mượn xe gắn máy trên làm phương tiện đi lại nhưng không biết bị cáo sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội. Ông T có yêu cầu xin được nhận lại xe, nên cần trả lại xe gắn máy trên cho ông Trí.

- Đối với 01 xe gắn máy hiệu Linda LiFan kiểu dáng Wave, biển số: 85R7 - 7881, màu sơn xanh, số máy: 52FMH3 - 20274559, số khung chỉ còn một phần: PCHO2UT - 009775, kết quả điều tra xác định số máy không thay đổi, số khung bị rỉ sét mất số, không xác định được số nguyên thủy do ông N.T.P đứng tên chủ sở hữu. Qua làm việc, ông P khai đã bán xe gắn máy trên cho một người không rõ lai lịch, không làm hợp đồng công chứng mua bán. Ông T.P.N là cha ruột của bị cáo T.N.A.K khai đã mua xe gắn máy trên từ cửa hàng mua bán xe cũ, khi mua có giấy đăng ký xe và giấy mua bán viết tay. Ông N cho bị cáo K mượn xe gắn máy trên làm phương tiện đi lại nhưng không biết bị cáo sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội. Ông Nam là người quản lý, sử dụng xe gắn máy trên nhưng không cung cấp được giấy tờ mua bán hợp pháp. Do đó, Hội đồng xét xử giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.M đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 06 tháng để truy tìm chủ sở hữu

hợp pháp của xe gắn máy trên. Nếu có người xuất trình đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh là chủ sở hữu hợp pháp thì trả lại xe gắn máy cho họ. Trong trường hợp quá thời hạn 06 tháng mà không có chủ sở hữu nào đến nhận thì tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 xe gắn máy hiệu Honda Vario, biển số: 50Y1 - 629.98, màu sơn trắng, số khung: MH1KF4122LK012782, số máy: KF41E - 2019592, kết quả điều tra xác định số khung, số máy nguyên thủy, không thay đổi do ông N.H.D.K là anh ruột của bị cáo N.H.T.Kh đứng tên chủ sở hữu. Qua làm việc, ông K khai vào ngày 18/4/2021 bị cáo Kh đã tự ý lấy xe gắn máy trên đi và ông K không biết bị cáo sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội. Ông K có yêu cầu xin được nhận lại xe, nên cần trả lại xe gắn máy trên cho ông K.

- Đối với 01 điện thoại di động iPhone 7, màu đen, đã qua sử dụng theo biên bản lập ngày 18/4/2021 về việc tạm giữ đồ vật, tài liệu của N.T.D; 01 điện thoại di động iPhone X, màu đen, đã qua sử dụng theo biên bản lập ngày 18/4/2021 về việc tạm giữ đồ vật, tài liệu của N.T.P; 01 điện thoại di động VOS, màu đen, đã qua sử dụng theo biên bản lập ngày 18/4/2021 về việc tạm giữ đồ vật, tài liệu của T.N.A.K; 01 điện thoại di động Samsung Galaxy M20, màu xanh, đã qua sử dụng theo biên bản lập ngày 18/4/2021 về việc tạm giữ đồ vật, tài liệu của T.V.H; 01 điện thoại di động iPhone màu vàng (gold), đã qua sử dụng theo biên bản khám xét chỗ ở T.S.H lập ngày 19/4/2021; 01 điện thoại di động iPhone màu vàng (gold), đã qua sử dụng theo biên bản khám xét chỗ ở N.H.T.K lập ngày 19/4/2021, Các bị cáo D, P, Kh, H không sử dụng bàn bạc cướp giật nên trả lại cho bị cáo. Bị cáo Hi có bàn bạc với bị cáo K do có liên quan đến việc liên lạc cướp giật tài sản, nên cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, các bị hại đã được nhận lại tài sản. Tại phiên tòa, các bị hại bà P.T.B, bà L.N.H và bà N.T.M.L vắng mặt nhưng căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

7.1. Bị hại bà P.T.B đã được T.V.H, N.T.D, N.T.P, T.N.A.K, N.H.T.Kh và T.S.H bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả số tiền 2.000.000 đồng nên không có yêu cầu tiếp tục bồi thường về phần dân sự.

7.2. Bị hại bà L.N.H đã được các bị cáo T.V.H, N.T.D, N.T.P, T.N.A.K bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả hư hỏng xe gắn máy và chi phí điều trị thương tích số tiền 4.000.000 đồng nên không có yêu cầu tiếp tục bồi thường về phần dân sự.

7.3. Bị hại bà N.T.M.L đã được các bị cáo N.T.D và N.T.P bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả hư hỏng xe gắn máy số tiền 6.000.000 đồng và toàn bộ chi phí điều trị thương tích tại bệnh viện nên không có yêu cầu tiếp tục bồi thường về phần dân sự.

Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét về trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo trong vụ án.

[8] Về án phí: Các bị cáo T.V.Hi, N.T.D, N.T.P, T.N.A.K, N.H.T.Kh và T.S.H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, điểm g, o khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 90, Điều 91, khoản 2 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo T.V.H;

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 điều 51, Điều 90, Điều 91, khoản 2 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo N.T.P;

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 điều 51; Điều 90, Điều 91, khoản 2 Điều 101, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo N.T.D;

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 điều 51, Điều 90, Điều 91, khoản 1 Điều 101, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo T.N.A.K;

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 điều 51, Điều 90, Điều 91, khoản 1 Điều 101, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo N.H.T.Kh;

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 90, Điều 91, khoản 1 Điều 101, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo T.S.H;

Tuyên bố các bị cáo **T.V.Hi, N.T.D, N.T.P, T.N.A.K, N.H.T.Kh và T.S.H** phạm tội “Cướp giật tài sản”.

1.1. Xử phạt bị cáo T.V.Hi 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ vào thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/4/2021 đến ngày 09/7/2021.

1.2. Xử phạt bị cáo N.T.P 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ vào thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/4/2021 đến ngày 09/7/2021.

1.3. Xử phạt bị cáo N.T.D 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 27/01/2022.

Giao bị cáo N.T.D cho Ủy ban nhân dân xã X.T.S, huyện H.M, thành phố Hồ Chí Minh nơi bị cáo đang cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo D thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo D cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định Luật Thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

1.4. Xử phạt bị cáo T.N.A.K 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 27/01/2022.

Giao bị cáo T.N.A.K cho Ủy ban nhân dân xã X.T.S, huyện H.M, thành phố Hồ Chí Minh nơi bị cáo đang cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Khoa thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo T.N.A.K cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định Luật Thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

1.5. Xử phạt bị cáo N.H.T.Kh 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 27/01/2022.

Giao bị cáo N.H.T.Kh cho Ủy ban nhân dân xã X.T.S, huyện H.M, thành phố Hồ Chí Minh nơi bị cáo đang cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Kh thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo N.H.T.Kh cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định Luật Thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

1.6. Xử phạt bị cáo T.S.H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 27/01/2022.

Giao bị cáo T.S.H cho Ủy ban nhân dân xã X.T.S, huyện H.M, thành phố Hồ Chí Minh nơi bị cáo đang cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Hậu thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo T.S.H cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định Luật Thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

(Bị cáo N.T.D, T.N.A.K, N.H.T.Kh, T.S.H đã được giải thích về chế định án treo).

[2] Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

2.1. Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động VOS, màu đen, đã qua sử dụng theo biên bản lập ngày 18/4/2021 về việc tạm giữ đồ vật, tài liệu của T.N.A.K; 01 điện thoại di động Samsung Galaxy M20, màu xanh, đã qua sử dụng theo biên bản lập ngày 18/4/2021 về việc tạm giữ đồ vật, tài liệu của T.V.Hi.

2.2. Trả lại cho các bị cáo và những người có quyền lợi liên quan những tài sản sau:

2.2.1. Trả lại 01 điện thoại di động iPhone 7, màu đen, đã qua sử dụng theo biên bản lập ngày 18/4/2021 về việc tạm giữ đồ vật, tài liệu của N.T.D cho bị cáo D;

2.2.2. Trả lại 01 điện thoại di động iPhone X, màu đen, đã qua sử dụng theo biên bản lập ngày 18/4/2021 về việc tạm giữ đồ vật, tài liệu của N.T.P cho bị cáo P;

2.2.3. Trả lại 01 điện thoại di động iPhone màu vàng (gold), đã qua sử dụng theo biên bản khám xét chỗ ở T.S.H lập ngày 19/4/2021 cho bị cáo H;

2.2.4. Trả lại 01 điện thoại di động iPhone màu vàng (gold), đã qua sử dụng theo biên bản khám xét chỗ ở N.H.T.Kh lập ngày 19/4/2021 cho bị cáo Kh,

2.2.5. Trả lại 01 xe gắn máy hiệu Honda Vario, biển số: 50Y1 - 629.98, màu sơn trắng, số khung: MH1KF4122LK012782, số máy: KF41E - 2019592, cho ông N.H.D.K.

2.2.6 Trả lại 01 xe máy Yamaha Exciter biển số 50Y1-082.65 có số khung RLCUG0610HY472009, số máy G3D4E-493517. Đề nghị trả lại cho ông N.S.T.

2.3. Đối với 01 xe máy kiểu dáng Wave màu sơn xanh có số khung PCHO2UT-009775, số máy 52FMH3-20274559 có gắn biển số 85R7-7881 giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 06 tháng để truy tìm chủ sở hữu hợp pháp của xe gắn máy trên. Nếu có người xuất trình đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh là chủ sở hữu hợp pháp thì trả lại xe gắn máy cho họ. Trong trường hợp quá thời hạn 06 tháng mà không có chủ sở hữu nào đến nhận thì tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

Các vật chứng của vụ án hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh đang quản lý theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 15 tháng 7 năm 2021.

[3]. Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về án phí: Buộc các bị cáo T.V.Hi, N.T.D, N.T.P, T.N.A.K, N.H.T.Kh và T.S.H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[4]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị cáo N.T.P, Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

[5]. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP.Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Cơ quan điều tra Công an H. Hóc Môn;
- Chi cục Thi hành án DS H. Hóc Môn;
- Nhà tạm giữ Công an H. Hóc Môn;
- UBND xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Hồng Hải